

Số: 46 /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 09 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước (chi thường xuyên)
thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU KHÓA X, KỲ HỌP LẦN THỨ 15 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc
hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của
Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của
Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế -
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Cà Mau năm 2024;

Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà
nước (chi thường xuyên) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa
bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 150/BC-HĐND ngày 07 tháng 10 năm
2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) đã thảo
luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên (vốn sự nghiệp) năm 2023 chưa giải ngân (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023) được chuyển sang năm 2024 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 37.961,444 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách trung ương 34.946,160 triệu đồng; ngân sách địa phương 3.015,284 triệu đồng (*Kèm theo Phụ lục I*), trong đó:

a) Điều chỉnh giảm dự toán với tổng số tiền 12.335,348 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách trung ương 11.723,539 triệu đồng; ngân sách địa phương 611,809 triệu đồng (*Kèm theo Phụ lục Ia*);

b) Điều chỉnh tăng dự toán với tổng số tiền 12.335,348 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách trung ương 11.723,539 triệu đồng; ngân sách địa phương 611,809 triệu đồng (*Kèm theo Phụ lục Ib*);

c) Dự toán còn lại đang thực hiện (không điều chỉnh) 25.626,096 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách trung ương 23.222,621 triệu đồng; ngân sách địa phương 2.403,475 triệu đồng.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 44.308,673 triệu đồng (ngân sách trung ương) (*Kèm theo Phụ lục II*), trong đó:

a) Điều chỉnh giảm dự toán với tổng số tiền 9.103,464 triệu đồng (*Kèm theo Phụ lục IIa*);

b) Điều chỉnh tăng dự toán với tổng số tiền 9.103,464 triệu đồng (*Kèm theo Phụ lục IIb*);

c) Dự toán còn lại đang thực hiện (không điều chỉnh) 35.205,209 triệu đồng.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 96.420,856 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách trung ương 86.182,756 triệu đồng; ngân sách địa phương 10.238,100 triệu đồng (*Kèm theo Phụ lục III*), trong đó:

a) Điều chỉnh giảm dự toán với tổng số tiền 14.001,195 triệu đồng (ngân sách trung ương) (*Kèm theo Phụ lục IIIa*);

b) Điều chỉnh tăng dự toán với tổng số tiền 14.001,195 triệu đồng (ngân sách trung ương) (*Kèm theo Phụ lục IIIb*);

c) Dự toán còn lại đang thực hiện (không điều chỉnh) 82.419,661 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách trung ương 72.181,561 triệu đồng; ngân sách địa phương 10.238,100 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 10 năm 2024. *HL*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban Dân tộc;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải



PHỤ LỤC I

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Kèm theo Nghị quyết số **16** /NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
	TỔNG CỘNG	37.961,444	34.946,160	3.015,284	12.335,348	11.723,539	611,809	12.335,348	11.723,539	611,809	37.961,444	34.946,160	3.015,284
A	Dự toán chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023) được chuyển sang năm 2024	14.557,444	13.670,160	887,284	7.972,348	7.360,539	611,809	7.972,348	7.360,539	611,809	14.557,444	13.670,160	887,284
I	Dự toán do các đơn vị hủy dự toán, nộp hoàn trả ngân sách	3.532,154	3.532,154	-	3.532,154	3.532,154	-	-	-	-	-	-	-
-	Giải nhiệm vụ chi hoặc không có khả năng giải ngân, đề nghị hủy dự toán phân bổ lại	3.532,154	3.532,154	-	3.532,154	3.532,154	-	-	-	-	-	-	-
II	Dự toán năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024	11.025,290	10.138,006	887,284	4.440,194	3.828,385	611,809	7.972,348	7.360,539	611,809	14.557,444	13.670,160	887,284
I	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.369,439	1.248,564	120,875	-	-	-	-	-	-	1.369,439	1.248,564	120,875
I.1	Nội dung số 01 của Tiểu dự án 2: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	507,439	466,564	40,875	-	-	-	-	-	-	507,439	466,564	40,875
-	Huyện U Minh	33,280	33,280	-	-	-	-	-	-	-	33,280	33,280	-
-	Huyện Đầm Dơi	470,439	429,564	40,875	-	-	-	-	-	-	470,439	429,564	40,875
-	Huyện Thới Bình	0,720	0,720	-	-	-	-	-	-	-	0,720	0,720	-
-	Huyện Trần Văn Thời	3,000	3,000	-	-	-	-	-	-	-	3,000	3,000	-
I.2	Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS	862,000	782,000	80,000	-	-	-	-	-	-	862,000	782,000	80,000
-	- Ban Dân tộc	862,000	782,000	80,000	-	-	-	-	-	-	862,000	782,000	80,000
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	13,536	13,536	-	-	-	-	6.205,789	6.205,789	-	6.219,325	6.219,325	-
2.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	13,536	13,536	-	-	-	-	6.205,789	6.205,789	-	6.219,325	6.219,325	-
-	Huyện U Minh	-	-	-	-	-	-	1.582,000	1.582,000	-	1.582,000	1.582,000	-

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
-	Huyện Đầm Dơi	-	-	-				2.309,789	2.309,789	-	2.309,789	2.309,789	-
-	Huyện Thới Bình	-	-	-				623,000	623,000	-	623,000	623,000	-
-	Huyện Trần Văn Thời	-	-	-				1.068,000	1.068,000	-	1.068,000	1.068,000	-
-	Huyện Phú Tân	13,536	13,536	-				356,000	356,000	-	369,536	369,536	-
-	Huyện Cái Nước	-	-	-				89,000	89,000	-	89,000	89,000	-
-	Huyện Năm Căn	-		-				178,000	178,000	-	178,000	178,000	-
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	5.478,163	5.478,163	-	2.573,913	2.573,913	-	1.056,553	444,744	611,809	3.960,803	3.348,994	611,809
3.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	3.115,911	3.115,911	-	1.346,000	1.346,000	-	611,809	-	611,809	2.381,720	1.769,911	611,809
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.115,911	3.115,911		1.346,000	1.346,000		611,809	-	611,809	2.381,720	1.769,911	611,809
3.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	37,590	37,590	-	33,590	33,590	-	-	-	-	4,000	4,000	-
-	Ban Dân tộc	37,590	37,590		33,590	33,590					4,000	4,000	
3.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	1.740,639	1.740,639	-	845,400	845,400	-	-	-	-	895,239	895,239	-
-	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.740,639	1.740,639		845,400	845,400					895,239	895,239	-
3.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	584,023	584,023	-	348,923	348,923	-	444,744	444,744	-	679,844	679,844	-
-	Ban Dân tộc	584,023	584,023		348,923	348,923	-	444,744	444,744		679,844	679,844	-
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	822,000	822,000	-	-	-	-	-	-	-	822,000	822,000	-
-	Ban Dân tộc	822,000	822,000	-						-	822,000	822,000	-
5	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	195,000	40,400	154,600	-	-	-	-	-	-	195,000	40,400	154,600
-	Sở Y tế	-		-							-	-	-
-	Huyện U Minh	-		-					-		-	-	-
-	Huyện Đầm Dơi	195,000	40,400	154,600					-		195,000	40,400	154,600
-	Thành phố Cà Mau	-		-					-		-	-	-

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	2.162,541	1.707,041	455,500	937,735	482,235	455,500	-	-	-	1.224,806	1.224,806	-
-	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	2.162,541	1.707,041	455,500	937,735	482,235	455,500	-	-	-	1.224,806	1.224,806	-
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	63,231	63,231	-	62,231	62,231	-	-	-	-	1,000	1,000	-
7.1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	63,231	63,231	-	62,231	62,231	-	-	-	-	1,000	1,000	-
-	Ban Dân tộc	63,231	63,231	-	62,231	62,231	-	-	-	-	1,000	1,000	-
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	921,380	765,071	156,309	866,315	710,006	156,309	710,006	710,006	-	765,071	765,071	-
8.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	207,015	194,706	12,309	165,315	153,006	12,309	710,006	710,006	-	751,706	751,706	-
-	Ban Dân tộc	207,015	194,706	12,309	165,315	153,006	12,309	710,006	710,006	-	751,706	751,706	-
8.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	454,000	310,000	144,000	454,000	310,000	144,000	-	-	-	-	-	-
-	Ban Dân tộc	144,000	-	144,000	144,000	-	144,000	-	-	-	-	-	-
-	Liên minh hợp tác xã tỉnh	310,000	310,000	-	310,000	310,000	-	-	-	-	-	-	-
8.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	260,365	260,365	-	247,000	247,000	-	-	-	-	13,365	13,365	-
-	Ban Dân tộc	260,365	260,365	-	247,000	247,000	-	-	-	-	13,365	13,365	-
B	Dự toán giao năm 2024	23.404,000	21.276,000	2.128,000	4.363,000	4.363,000	-	4.363,000	4.363,000	-	23.404,000	21.276,000	2.128,000
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.456,000	3.456,000	-	1.104,000	1.104,000	-	-	-	-	2.352,000	2.352,000	-
-	Huyện U Minh	531,000	531,000	-	-	-	-	-	-	-	531,000	531,000	-
-	Huyện Đầm Dơi	1.238,000	1.238,000	-	72,000	72,000	-	-	-	-	1.166,000	1.166,000	-
-	Huyện Thới Bình	600,000	600,000	-	144,000	144,000	-	-	-	-	456,000	456,000	-
-	Huyện Trần Văn Thới	930,000	930,000	-	888,000	888,000	-	-	-	-	42,000	42,000	-
-	Huyện Phú Tân	59,000	59,000	-	-	-	-	-	-	-	59,000	59,000	-
-	Huyện Cái Nước	98,000	98,000	-	-	-	-	-	-	-	98,000	98,000	-

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	106,000	106,000	-	106,000	106,000	-	-	-	-	-	-	-
-	Huyện Đầm Dơi	80,000	80,000	-	80,000	80,000	-	-	-	-	-	-	-
-	Huyện Trần Văn Thời	26,000	26,000	-	26,000	26,000	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.643,000	1.643,000	1.000,000	-	-	-	-	-	-	2.643,000	1.643,000	1.000,000
3.1	Nội dung số 01 của Tiểu dự án 2: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	2.643,000	1.643,000	1.000,000	-	-	-	-	-	-	2.643,000	1.643,000	1.000,000
-	Huyện U Minh	680,000	421,000	259,000	-	-	-	-	-	-	680,000	421,000	259,000
-	Huyện Đầm Dơi	1.014,000	631,000	383,000	-	-	-	-	-	-	1.014,000	631,000	383,000
-	Huyện Thới Bình	257,000	160,000	97,000	-	-	-	-	-	-	257,000	160,000	97,000
-	Huyện Trần Văn Thời	435,000	271,000	164,000	-	-	-	-	-	-	435,000	271,000	164,000
-	Huyện Phú Tân	146,000	91,000	55,000	-	-	-	-	-	-	146,000	91,000	55,000
-	Huyện Cái Nước	37,000	23,000	14,000	-	-	-	-	-	-	37,000	23,000	14,000
-	Huyện Năm Căn	74,000	46,000	28,000	-	-	-	-	-	-	74,000	46,000	28,000
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	1.346,000	218,000	1.128,000	-	-	-	4.363,000	4.363,000	-	5.709,000	4.581,000	1.128,000
4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.346,000	218,000	1.128,000	-	-	-	4.363,000	4.363,000	-	5.709,000	4.581,000	1.128,000
-	Huyện U Minh	375,000	88,000	287,000	-	-	-	1.112,000	1.112,000	-	1.487,000	1.200,000	287,000
-	Huyện Đầm Dơi	552,000	130,000	422,000	-	-	-	1.620,000	1.620,000	-	2.172,000	1.750,000	422,000
-	Huyện Thới Bình	112,000	-	112,000	-	-	-	440,000	440,000	-	552,000	440,000	112,000
-	Huyện Trần Văn Thời	194,000	-	194,000	-	-	-	751,000	751,000	-	945,000	751,000	194,000
-	Huyện Phú Tân	65,000	-	65,000	-	-	-	251,000	251,000	-	316,000	251,000	65,000
-	Huyện Cái Nước	16,000	-	16,000	-	-	-	63,000	63,000	-	79,000	63,000	16,000
-	Huyện Năm Căn	32,000	-	32,000	-	-	-	126,000	126,000	-	158,000	126,000	32,000
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	3.096,000	3.096,000	-	-	-	-	-	-	-	3.096,000	3.096,000	-
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	545,000	545,000	-	-	-	-	-	-	-	545,000	545,000	-

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	545,000	545,000								545,000	545,000	-
5.2	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	360,000	360,000	-	-	-	-	-	-	-	360,000	360,000	-
-	Ban Dân tộc	360,000	360,000								360,000	360,000	-
5.3	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi</i>	2.191,000	2.191,000	-	-	-	-	-	-	-	2.191,000	2.191,000	-
-	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2.191,000	2.191,000								2.191,000	2.191,000	-
6	<i>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</i>	3.904,000	3.904,000	-	-	-	-	-	-	-	3.904,000	3.904,000	-
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	290,000	290,000	-							290,000	290,000	-
-	Ban Dân tộc	3.614,000	3.614,000	-							3.614,000	3.614,000	-
7	<i>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</i>	1.106,000	1.106,000	-	-	-	-	-	-	-	1.106,000	1.106,000	-
-	Sở Y tế	110,000	110,000	-							110,000	110,000	-
-	Huyện U Minh	376,000	376,000	-						-	376,000	376,000	-
-	Huyện Đầm Dơi	564,000	564,000	-						-	564,000	564,000	-
-	Thành phố Cà Mau	56,000	56,000	-	-					-	56,000	56,000	-
8	<i>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</i>	4.522,000	4.522,000	-	1.862,000	1.862,000	-	-	-	-	2.660,000	2.660,000	-
-	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	4.522,000	4.522,000		1.862,000	1.862,000					2.660,000	2.660,000	-
9	<i>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</i>	816,000	816,000	-	-	-	-	-	-	-	816,000	816,000	-
9.1	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	816,000	816,000	-	-	-	-	-	-	-	816,000	816,000	-
-	Ban Dân tộc	816,000	816,000								816,000	816,000	-
10	<i>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</i>	2.409,000	2.409,000	-	1.291,000	1.291,000	-	-	-	-	1.118,000	1.118,000	-
10.1	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030</i>	416,000	416,000	-	-	-	-	-	-	-	416,000	416,000	-

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
-	Ban Dân tộc	416,000	416,000								416,000	416,000	-
10.2	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	1,613,000	1,613,000	-	1,291,000	1,291,000	-	-	-	-	322,000	322,000	-
-	Sở Thông tin và Truyền Thông	322,000	322,000								322,000	322,000	-
-	Liên minh hợp tác xã tỉnh	485,000	485,000		485,000	485,000	-	-			-	-	-
-	Ban Dân tộc	806,000	806,000		806,000	806,000	-	-			-	-	-
10.3	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	380,000	380,000	-	-	-	-	-	-	-	380,000	380,000	-
-	Ban Dân tộc	380,000	380,000								380,000	380,000	-



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU CHỈNH GIÁM DƯ TOÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

[illegible]

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Trong đó:		Chi tiết theo nguồn sự nghiệp										Nguyên nhân điều chỉnh
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp văn hóa thông tin		Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Chi khác		
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
-	Ban Dân tộc	348,923	348,923	-	348,923										Không còn đối tượng hỗ trợ do đối dư hết nhiệm vụ chi của năm 2023, đề xuất phân bổ lại năm 2024 là nhiệm vụ chi mới cùng một dự án
2	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	937,735	482,235	455,500	-	-	-	-	-	-	482,235	-	-	455,500	
2.1	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	937,735	482,235	455,500							482,235			455,500	Tỷ lệ giải ngân thấp
3	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	62,231	62,231	-	-	-	-	-	-	-	62,231	-	-	-	
3.1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	62,231	62,231	-	-	-	-	-	-	-	62,231	-	-	-	
-	Ban Dân tộc	62,231	62,231	-							62,231				Không đủ điều kiện giải ngân
4	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	866,315	710,006	156,309	-	-	463,006	-	247,000	74,000	-	-	-	82,309	
4.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	165,315	153,006	12,309	-	-	153,006	-	-	-	-	-	-	12,309	
-	Ban Dân tộc	165,315	153,006	12,309			153,006							12,309	Không đủ điều kiện giải ngân
4.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	454,000	310,000	144,000	-	-	310,000	-	-	74,000	-	-	-	70,000	
-	Liên minh hợp tác xã tỉnh	310,000	310,000				310,000								Không đủ điều kiện giải ngân. Gặp một số khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách, hiện chưa đủ căn cứ để triển khai thực hiện
-	Ban Dân tộc	144,000	-	144,000						74,000				70,000	Không đủ điều kiện giải ngân
4.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	247,000	247,000	-	-	-	-	-	247,000	-	-	-	-	-	
-	Ban Dân tộc	247,000	247,000	-					247,000						Không đủ điều kiện giải ngân
B	Kinh phí giao năm 2024	4.363,000	4.363,000	-	-	-	1.291,000	-	1.210,000	-	1.862,000	-	-	-	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.104,000	1.104,000	-	-	-	-	-	1.104,000	-	-	-	-	-	
-	Huyện Đầm Dơi	72,000	72,000						72,000						Không còn đối tượng thụ hưởng
-	Huyện Thới Bình	144,000	144,000						144,000						Không còn đối tượng thụ hưởng
-	Huyện Trầm Văn Thới	888,000	888,000						888,000						Không còn đối tượng thụ hưởng

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Trong đó:		Chi tiết theo nguồn sự nghiệp										Nguyên nhân điều chỉnh
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp văn hóa thông tin		Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Chi khác		
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	106,000	106,000	-	-	-	-	-	106,000	-	-	-	-	-	
-	Huyện Đầm Dơi	80,000	80,000						80,000						Không còn đối tượng thụ hưởng
-	Huyện Trần Văn Thới	26,000	26,000						26,000						Không còn đối tượng thụ hưởng
3	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.862,000	1.862,000	-	-	-	-	-	-	-	1.862,000	-	-	-	
-	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	1.862,000	1.862,000	-							1.862,000				Tỷ lệ giải ngân thấp
4	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.291,000	1.291,000	-	-	-	1.291,000	-	-	-	-	-	-	-	
4.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.291,000	1.291,000	-	-	-	1.291,000	-	-	-	-	-	-	-	
-	Liên minh hợp tác xã tỉnh	485,000	485,000	-			485,000								Không đủ điều kiện giải ngân
-	Ban Dân tộc	806,000	806,000	-			806,000								Không đủ điều kiện giải ngân



PHỤ LỤC Ib

ĐIỀU CHỈNH TĂNG DỰ TOÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Trong đó		Chi tiết theo nguồn sự nghiệp								Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp văn hóa thông tin		Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
	TỔNG CỘNG:	12.335,348	11.723,539	611,809	444,744	611,809			10.568,789	-	710,006	-	
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	10.568,789	10.568,789	-	-	-			10.568,789	-	-	-	Ban Dân tộc là cơ quan quản lý chung
1.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.568,789	10.568,789	-	-	-			10.568,789	-	-	-	
-	Huyện U Minh	2.694,000	2.694,000	-					2.694,000				Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Đầm Dơi	3.929,789	3.929,789	-					3.929,789	-			Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Thới Bình	1.063,000	1.063,000	-					1.063,000				Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Trần Văn Thời	1.819,000	1.819,000	-					1.819,000				Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Phú Tân	607,000	607,000	-					607,000				Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Cái Nước	152,000	152,000	-					152,000				Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Năm Căn	304,000	304,000	-					304,000				Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
2	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.056,553	444,744	611,809	444,744	611,809			-	-	-	-	Ban Dân tộc là cơ quan quản lý chung
2.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	611,809	-	611,809	-	611,809			-	-	-	-	
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	611,809	-	611,809		611,809							
2.2	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	444,744	444,744	-	444,744	-			-	-	-	-	
-	Ban Dân tộc	444,744	444,744	-	444,744								
3	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	710,006	710,006	-	-	-			-	-	710,006	-	



STT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Trong đó		Chi tiết theo nguồn sự nghiệp								Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp văn hóa thông tin		Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
3.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	710,006	710,006	-	-	-			-	-	710,006	-	
-	Ban Dân tộc	710,006	710,006	-							710,006		



PHỤ LỤC II

TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán được sử dụng năm 2024	Điều chỉnh dự toán		Dự toán sau khi thực hiện điều chỉnh
			Giảm dự toán	Tăng dự toán	
1	2	3	4	5	6=3-4+5
	TỔNG CỘNG	44.308,673	9.103,464	9.103,464	44.308,673
A	Dự toán chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023) được chuyển sang năm 2024	13.431,673	7.947,464	7.947,464	13.431,673
I	Dự toán do các đơn vị hủy dự toán, nộp hoàn trả ngân sách	4.900,562	4.900,562	-	-
-	Hết nhiệm vụ chi hoặc không có khả năng giải ngân, đề nghị hủy dự toán phân bổ lại	4.900,562	4.900,562	-	-
II	Dự toán năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024	8.531,111	3.046,902	7.947,464	13.431,673
1	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	5.130,698	2.892,330	3.547,892	5.786,260
1.1	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp	628,000	-	130,000	758,000
-	Chi cục Phát triển nông thôn	628,000	-		628,000
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Sở)			130,000	130,000

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán được sử dụng năm 2024	Điều chỉnh dự toán		Dự toán sau khi thực hiện điều chỉnh
			Giảm dự toán	Tăng dự toán	
1	2	3	4	5	6=3-4+5
1.2	<i>Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị</i>	121,093	-	400,000	521,093
-	UBND thành phố Cà Mau	3,908			3,908
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Sở)			400,000	400,000
-	UBND huyện Thới Bình	24,827			24,827
-	UBND huyện U Minh	23,470			23,470
-	UBND huyện Năm Căn	68,888			68,888
1.3	<i>Nội dung số 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ</i>	-	-	265,562	265,562
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			265,562	265,562
1.4	<i>Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn</i>	4.381,605	2.892,330	2.752,330	4.241,605
-	Chi cục Thủy sản	882,375	140,000		742,375
-	Trung tâm Khuyến nông	746,900			746,900
-	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau	2.752,330	2.752,330	2.752,330	2.752,330
2	<i>Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn</i>	-	-	1.400,000	1.400,000
2.1	<i>Nội dung số 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; Tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn khu dân cư kiểu mẫu</i>	-	-	1.400,000	1.400,000
-	Huyện Trần Văn Thời			700,000	700,000
-	Huyện Ngọc Hiển			700,000	700,000
3	<i>Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM</i>	45,462	0,260	834,572	879,774

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán được sử dụng năm 2024	Điều chỉnh dự toán		Dự toán sau khi thực hiện điều chỉnh
			Giảm dự toán	Tăng dự toán	
1	2	3	4	5	6=3-4+5
3.1	<i>Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phân biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM</i>	45,462	0,260	294,572	339,774
-	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	45,462	0,260		45,202
-	Văn phòng Điều phối CT MTQG XD nông thôn mới tỉnh			100,000	100,000
-	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy			194,572	194,572
3.2	<i>Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”</i>	-	-	540,000	540,000
-	Hội Nông dân			540,000	540,000
4	<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM</i>	2.864,657	154,312	2.165,000	4.875,345
4.1	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng</i>	2.612,551	94,540	2.165,000	4.683,011
-	Văn phòng Điều phối CT MTQG XD nông thôn mới tỉnh	2.036,167	85,540	1.925,000	3.875,627
-	Sở Y tế	9,000	9,000		-
-	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	84,892			84,892
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51,252			51,252
-	Huyện Thới Bình	91,563		-	91,563
-	Thành phố Cà Mau	76,677			76,677
-	Chi cục Phát triển nông thôn	263,000		240,000	503,000
4.2	<i>Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM</i>	252,106	59,772	-	192,334

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán được sử dụng năm 2024	Điều chỉnh dự toán		Dự toán sau khi thực hiện điều chỉnh
			Giảm dự toán	Tăng dự toán	
1	2	3	4	5	6=3-4+5
-	Sở Thông tin và Truyền Thông	59,772	59,772		-
-	Sở kế hoạch và Đầu tư	15,313			15,313
-	Liên minh hợp tác xã tỉnh	16,927			16,927
-	Huyện năm Căn	30,700			30,700
-	UBND huyện U Minh	24,625			24,625
-	UBND huyện Trần Văn Thời	99,728			99,728
-	Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	5,041			5,041
5	Hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư	490,295	-	-	490,295
-	UBND huyện Cái Nước	8,927			8,927
-	UBND huyện Ngọc Hiển	59,180	-		59,180
-	UBND huyện U Minh	402,628			402,628
-	UBND huyện Đầm Dơi	19,560			19,560
B	Dự toán giao năm 2024	30.877,000	1.156,000	1.156,000	30.877,000
1	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	1.000,000	-	-	1.000,000
1.1	Nội dung 09: Tăng cường hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	1.000,000	-	-	1.000,000
-	Sở Thông tin và Truyền thông	1.000,000			1.000,000
2	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	19.487,000	390,000	1.156,000	20.253,000
2.1	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp	7.130,000	390,000	-	6.740,000

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán được sử dụng năm 2024	Điều chỉnh dự toán		Dự toán sau khi thực hiện điều chỉnh
			Giảm dự toán	Tăng dự toán	
1	2	3	4	5	6=3-4+5
-	Chi cục Thủy sản	1.700,000	390,000		1.310,000
-	Chi cục Phát triển nông thôn	2.800,000			2.800,000
-	Trung tâm Khuyến nông	2.630,000			2.630,000
2.2	<i>Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị</i>	2.510,000	-	390,000	2.900,000
-	Chi cục Phát triển nông thôn	1.280,000			1.280,000
-	Thành phố Cà Mau	100,000			100,000
-	Huyện Đầm Dơi	230,000			230,000
-	Huyện Thới Bình	55,000		390,000	445,000
-	Huyện U Minh	80,000			80,000
-	Huyện Trần Văn Thời	160,000			160,000
-	Huyện Cái Nước	160,000			160,000
-	Huyện Ngọc Hiển	50,000			50,000
-	Huyện Năm Căn	305,000			305,000
-	Huyện Phú Tân	90,000			90,000
2.3	<i>Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị</i>	5.500,000	-	-	5.500,000
-	Huyện Ngọc Hiển	5.500,000			5.500,000
2.4	<i>Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn</i>	4.347,000	-	766,000	5.113,000
-	Chi cục Thủy sản	1.062,000			1.062,000
-	Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau	1.953,000		360,000	2.313,000

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán được sử dụng năm 2024	Điều chỉnh dự toán		Dự toán sau khi thực hiện điều chỉnh
			Giảm dự toán	Tăng dự toán	
1	2	3	4	5	6=3-4+5
-	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau	1.332,000		406,000	1.738,000
3	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn	180,000	-	-	180,000
3.1	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	180,000	-	-	180,000
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	180,000			180,000
4	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	500,000	-	-	500,000
4.1	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	500,000	-	-	500,000
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	500,000			500,000
5	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy chuyển đổi số trong nông thôn mới, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	80,000	-	-	80,000
5.1	Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý	80,000	-	-	80,000
-	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	80,000			80,000
6	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	940,000	-	-	940,000
6.1	Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM	370,000	-	-	370,000
-	Ban Dân vận Tỉnh ủy	200,000			200,000
-	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	170,000			170,000
6.2	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"	200,000	-	-	200,000

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán được sử dụng năm 2024	Điều chỉnh dự toán		Dự toán sau khi thực hiện điều chỉnh
			Giảm dự toán	Tăng dự toán	
1	2	3	4	5	6=3-4+5
-	Hội Nông dân	200,000			200,000
6.3	<i>Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM</i>	270,000	-	-	270,000
-	Tinh đoàn	270,000			270,000
6.4	<i>Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”</i>	100,000	-	-	100,000
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ	100,000			100,000
7	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	375,000	-	-	375,000
7.1	<i>Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025</i>	345,000	-	-	345,000
-	Công an tỉnh	345,000			345,000
7.2	<i>Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện</i>	30,000	-	-	30,000
-	Bộ Chỉ huy Quân sự	30,000			30,000
8	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	8.315,000	766,000	-	7.549,000
8.1	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng</i>	2.405,000	-	-	2.405,000
-	Văn phòng Điều phối CT MTQG XD nông thôn mới tỉnh	730,000			730,000

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán được sử dụng năm 2024	Điều chỉnh dự toán		Dự toán sau khi thực hiện điều chỉnh
			Giảm dự toán	Tăng dự toán	
1	2	3	4	5	6=3-4+5
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	45,000			45,000
-	Huyện Thới Bình	210,000			210,000
-	Thành phố Cà Mau	130,000			130,000
-	Huyện U Minh	100,000			100,000
-	Huyện Trần Văn Thời	220,000			220,000
-	Huyện Cái Nước	160,000			160,000
-	Huyện Đầm Dơi	130,000			130,000
-	Huyện Phú Tân	150,000			150,000
-	Huyện Ngọc Hiển	180,000			180,000
-	Huyện Năm Căn	130,000			130,000
-	Trung tâm Khuyến nông	100,000			100,000
-	Chi cục Phát triển nông thôn	120,000			120,000
8.2	<i>Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM</i>	5.910,000	766,000	-	5.144,000
-	Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh	4.710,000	766,000		3.944,000
-	Chi cục Phát triển nông thôn	200,000			200,000
-	Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	1.000,000			1.000,000



PHỤ LỤC IIa

ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỤ TOÁN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Sự nghiệp:	Nguyên nhân điều chỉnh
			Các hoạt động kinh tế	
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG:	9.103,464	9.103,464	
A	Dự toán chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023) được chuyển sang năm 2024	7.947,464	7.947,464	
I	Kinh phí còn lại ngân sách (do các đơn vị hủy dự toán, nộp hoàn trả ngân sách)	4.900,562	4.900,562	
-	Hết nhiệm vụ chi hoặc không có khả năng chi, đề nghị hủy dự toán phân bổ lại	4.900,562	4.900,562	
II	Kinh phí năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024	3.046,902	3.046,902	
1	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	2.892,330	2.892,330	
1.1	Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn	2.892,330	2.892,330	
-	Chi cục Thủy sản	140,000	140,000	Không còn đối tượng hỗ trợ
-	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau	2.752,330	2.752,330	Không còn đối tượng hỗ trợ
2	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	0,260	0,260	
2.1	Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM	0,260	0,260	
-	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	0,260	0,260	Không còn đối tượng hỗ trợ



TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Sự nghiệp:	Nguyên nhân điều chỉnh
			Các hoạt động kinh tế	
3	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	154,312	154,312	
3.1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	94,540	94,540	
-	Văn phòng Điều phối CT MTQG XD nông thôn mới tỉnh	85,540	85,540	Không còn đối tượng hỗ trợ
-	Sở Y tế	9,000	9,000	Không còn đối tượng hỗ trợ
3.2	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	59,772	59,772	
-	Sở Thông tin và Truyền Thông	59,772	59,772	
B	Kinh phí giao năm 2024	1.156,000	1.156,000	
1	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	390,000	390,000	
1.1	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp	390,000	390,000	
-	Chi cục Thủy sản	390,000	390,000	Không còn đối tượng hỗ trợ
2	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	766,000	766,000	
2.1	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	766,000	766,000	
-	Văn phòng Điều phối CT MTQG XD nông thôn mới tỉnh	766,000	766,000	Không còn đối tượng hỗ trợ





PHỤ LỤC IIb

ĐIỀU CHỈNH TĂNG DỰ TOÁN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Sự nghiệp:	Ghi chú
			Các hoạt động kinh tế	
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG:	9.103,464	9.103,464	
1	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	4.703,892	4.703,892	
1.1	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp	520,000	520,000	
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	130,000	130,000	
-	Huyện Thới Bình	390,000	390,000	
1.2	Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị	400,000	400,000	
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	400,000	400,000	
1.3	Nội dung số 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ	265,562	265,562	
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	265,562	265,562	
1.4	Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn	3.518,330	3.518,330	



STT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Sự nghiệp:	Ghi chú
			Các hoạt động kinh tế	
-	Trường Cao đẳng Cộng đồng	360,000	360,000	
-	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau	3.158,330	3.158,330	
2	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	1.400,000	1.400,000	
2.1	Nội dung số 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; Tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn khu dân cư kiểu mẫu	1.400,000	1.400,000	
-	Huyện Trần Văn Thời	700,000	700,000	Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Ngọc Hiển	700,000	700,000	Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
3	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	834,572	834,572	
3.1	Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM	294,572	294,572	
-	Văn phòng Điều phối CT MTQG XD nông thôn mới tỉnh	100,000	100,000	
-	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	194,572	194,572	
3.2	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"	540,000	540,000	
-	Hội Nông dân	540,000	540,000	
4	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	2.165,000	2.165,000	
4.1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	2.165,000	2.165,000	
-	Văn phòng Điều phối CT MTQG XD nông thôn mới tỉnh	1.925,000	1.925,000	
-	Chi cục Phát triển nông thôn	240,000	240,000	





PHỤ LỤC III
TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
	TỔNG (I+II):	96.420,856	86.182,756	10.238,100	14.001,195	14.001,195	-	14.001,195	14.001,195	-	96.420,856	86.182,756	10.238,100
A	Dự toán chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023) được chuyển sang năm 2024	26.042,856	22.404,756	3.638,100	12.208,335	12.208,335	-	12.208,335	12.208,335	-	26.042,856	22.404,756	3.638,100
I	Dự toán do các đơn vị hủy dự toán, nộp hoàn trả ngân sách	1.667,997	1.667,997	-	1.667,997	1.667,997	-	-	-	-	-	-	-
-	Hết nhiệm vụ chi hoặc không có khả năng giải ngân, đề nghị hủy dự toán phân bổ lại	1.667,997	1.667,997	-	1.667,997	1.667,997	-	-	-	-	-	-	-
II	Dự toán năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024	24.374,859	20.736,759	3.638,100	10.540,338	10.540,338	-	12.208,335	12.208,335	-	26.042,856	22.404,756	3.638,100
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	89,542	89,542	-	-	-	-	-	-	-	89,542	89,542	-
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	89,542	89,542	-	-	-	-	-	-	-	89,542	89,542	-
-	Huyện U Minh	54,611	54,611	-	-	-	-	-	-	-	54,611	54,611	-
-	Huyện Đầm Dơi	19,089	19,089	-	-	-	-	-	-	-	19,089	19,089	-
-	Huyện Ngọc Hiển	15,842	15,842	-	-	-	-	-	-	-	15,842	15,842	-
2	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	12.789,068	9.150,968	3.638,100	49,100	49,100	-	9.610,852	9.610,852	-	22.350,820	18.712,720	3.638,100
-	Thành phố Cà Mau	740,000	740,000	-	-	-	-	915,970	915,970	-	1.655,970	1.655,970	-
-	Huyện Thới Bình	5.017,000	3.207,000	1.810,000	-	-	-	823,450	823,450	-	5.840,450	4.030,450	1.810,000
-	Huyện U Minh	4.915,692	4.010,692	905,000	-	-	-	2.859,228	2.859,228	-	7.774,920	6.869,920	905,000
-	Huyện Đầm Dơi	134,925	116,825	18,100	-	-	-	-	-	-	134,925	116,825	18,100
-	Huyện Trần Văn Thời	525,776	525,776	-	-	-	-	1.324,885	1.324,885	-	1.850,661	1.850,661	-
-	Huyện Phú Tân	16,240	16,240	-	-	-	-	3.504,347	3.504,347	-	3.520,587	3.520,587	-
-	Huyện Cái Nước	18,400	18,400	-	-	-	-	-	-	-	18,400	18,400	-
-	Huyện Năm Căn	1.371,936	466,936	905,000	-	-	-	-	-	-	1.371,936	466,936	905,000
-	Huyện Ngọc Hiển	49,100	49,100	-	49,100	49,100	-	182,972	182,972	-	182,972	182,972	-
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	659,329	659,329	-	-	-	-	-	-	-	659,329	659,329	-

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	123,952	123,952	-	-	-	-	-	-	-	123,952	123,952	-
-	Huyện Thới Bình	39,752	39,752	-	-	-	-	-	-	-	39,752	39,752	-
-	Huyện U Minh	36,105	36,105	-	-	-	-	-	-	-	36,105	36,105	-
-	Huyện Đầm Dơi	0,038	0,038	-	-	-	-	-	-	-	0,038	0,038	-
-	Huyện Trần Văn Thới	24,038	24,038	-	-	-	-	-	-	-	24,038	24,038	-
-	Huyện Năm Căn	24,020	24,020	-	-	-	-	-	-	-	24,020	24,020	-
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	535,377	535,377	-	-	-	-	-	-	-	535,377	535,377	-
	Sở Y tế	535,377	535,377	-	-	-	-	-	-	-	535,377	535,377	-
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	8.395,436	8.395,436	-	8.049,755	8.049,755	-	-	-	-	345,681	345,681	-
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	3.395,253	3.395,253	-	3.066,728	3.066,728	-	-	-	-	328,526	328,526	-
-	Thành phố Cà Mau	915,970	915,970	-	915,970	915,970	-	-	-	-	-	-	-
-	Huyện Thới Bình	833,410	833,410	-	823,450	823,450	-	-	-	-	9,960	9,960	-
-	Huyện U Minh	27,724	27,724	-	27,724	27,724	-	-	-	-	-	-	-
-	Huyện Phú Tân	1.007,080	1.007,080	-	1.007,080	1.007,080	-	-	-	-	-	-	-
-	Huyện Năm Căn	318,566	318,566	-	-	-	-	-	-	-	318,566	318,566	-
-	Huyện Ngọc Hiển	292,504	292,504	-	292,504	292,504	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	438,000	438,000	-	438,000	438,000	-	-	-	-	-	-	-
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	438,000	438,000	-	438,000	438,000	-	-	-	-	-	-	-
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	4.562,182	4.562,182	-	4.545,027	4.545,027	-	-	-	-	17,155	17,155	-
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	4.545,027	4.545,027	-	4.545,027	4.545,027	-	-	-	-	-	-	-
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	17,155	17,155	-	-	-	-	-	-	-	17,155	17,155	-
5	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	807,254	807,254	-	807,254	807,254	-	549,722	549,722	-	549,722	549,722	-
5.1	Tiểu dự án 1: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	257,532	257,532	-	257,532	257,532	-	-	-	-	-	-	-
-	Sở Thông tin và Truyền Thông	257,532	257,532	-	257,532	257,532	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	549,722	549,722	-	549,722	549,722	-	549,722	549,722	-	549,722	549,722	-
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	549,722	549,722	-	549,722	549,722	-	549,722	549,722	-	549,722	549,722	-
6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình	1.634,229	1.634,229	-	1.634,229	1.634,229	-	2.047,761	2.047,761	-	2.047,761	2.047,761	-
6.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	888,669	888,669	-	888,669	888,669	-	-	-	-	-	-	-
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	888,669	888,669	-	888,669	888,669	-	-	-	-	-	-	-
6.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	745,560	745,560	-	745,560	745,560	-	2.047,761	2.047,761	-	2.047,761	2.047,761	-

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	745,560	745,560		745,560	745,560		2.047,761	2.047,761		2.047,761	2.047,761	-
B	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO NĂM 2024	70.378,000	63.778,000	6.600,000	1.792,860	1.792,860	-	1.792,860	1.792,860	-	70.378,000	63.778,000	6.600,000
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	1.800,000	1.800,000	-	-	-	-	-	-	-	1.800,000	1.800,000	-
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	1.800,000	1.800,000	-	-	-	-	-	-	-	1.800,000	1.800,000	-
-	Huyện U Minh	900,000	900,000	-	-			-			900,000	900,000	-
-	Huyện Đầm Dơi	600,000	600,000	-	-			-			600,000	600,000	-
-	Huyện Ngọc Hiển	300,000	300,000	-	-			-			300,000	300,000	-
2	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	22.538,000	22.538,000	-	-	-	-	1.381,238	1.381,238	-	23.919,238	23.919,238	-
-	Thành phố Cà Mau	1.783,000	1.783,000	-	-			-			1.783,000	1.783,000	-
-	Huyện Thới Bình	2.704,000	2.704,000	-	-			-			2.704,000	2.704,000	-
-	Huyện U Minh	4.161,000	4.161,000	-	-			-			4.161,000	4.161,000	-
-	Huyện Đầm Dơi	4.161,000	4.161,000	-	-			-			4.161,000	4.161,000	-
-	Huyện Trần Văn Thời	2.318,000	2.318,000	-	-			-			2.318,000	2.318,000	-
-	Huyện Phú Tân	1.426,000	1.426,000	-	-			-			1.426,000	1.426,000	-
-	Huyện Cái Nước	1.854,000	1.854,000	-	-			-			1.854,000	1.854,000	-
-	Huyện Năm Căn	1.308,000	1.308,000	-	-			-			1.308,000	1.308,000	-
-	Huyện Ngọc Hiển	2.823,000	2.823,000	-	-			1.381,238	1.381,238		4.204,238	4.204,238	-
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	20.362,000	13.762,000	6.600,000	-	-	-	-	-	-	20.362,000	13.762,000	6.600,000
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	15.917,000	9.317,000	6.600,000	-	-	-	-	-	-	15.917,000	9.317,000	6.600,000
-	Thành phố Cà Mau	737,000	737,000	-	-			-			737,000	737,000	-
-	Huyện Thới Bình	2.768,000	1.118,000	1.650,000	-			-			2.768,000	1.118,000	1.650,000
-	Huyện U Minh	2.545,000	1.720,000	825,000	-			-			2.545,000	1.720,000	825,000
-	Huyện Đầm Dơi	2.545,000	1.720,000	825,000	-			-			2.545,000	1.720,000	825,000
-	Huyện Trần Văn Thời	958,000	958,000	-	-			-			958,000	958,000	-
-	Huyện Phú Tân	590,000	590,000	-	-			-			590,000	590,000	-
-	Huyện Cái Nước	767,000	767,000	-	-			-			767,000	767,000	-
-	Huyện Năm Căn	1.365,000	540,000	825,000	-			-			1.365,000	540,000	825,000
-	Huyện Ngọc Hiển	3.642,000	1.167,000	2.475,000	-			-			3.642,000	1.167,000	2.475,000

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Dự toán thực hiện trong năm 2024			Dự toán điều chỉnh giảm			Dự toán điều chỉnh tăng			Dự toán sau khi điều chỉnh		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	4.445,000	4.445,000	-	-	-	-	-	-	-	4.445,000	4.445,000	-
	Sở Y tế	4.445,000	4.445,000	-	-	-	-	-	-	-	4.445,000	4.445,000	-
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	16.685,000	16.685,000	-	1.792,860	1.792,860	-	-	-	-	14.892,140	14.892,140	-
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	9.199,000	9.199,000	-	1.566,200	1.566,200	-	-	-	-	7.632,800	7.632,800	-
	- Thành phố Cà Mau	821,000	821,000	-	-	-	-	-	-	-	821,000	821,000	-
	- Huyện Thới Bình	1.127,000	1.127,000	-	-	-	-	-	-	-	1.127,000	1.127,000	-
	- Huyện U Minh	1.349,000	1.349,000	-	900,000	900,000	-	-	-	-	449,000	449,000	-
	- Huyện Đầm Dơi	1.291,000	1.291,000	-	-	-	-	-	-	-	1.291,000	1.291,000	-
	- Huyện Trần Văn Thời	1.009,000	1.009,000	-	666,200	666,200	-	-	-	-	342,800	342,800	-
	- Huyện Phú Tân	798,000	798,000	-	-	-	-	-	-	-	798,000	798,000	-
	- Huyện Cái Nước	868,000	868,000	-	-	-	-	-	-	-	868,000	868,000	-
	- Huyện Năm Căn	751,000	751,000	-	-	-	-	-	-	-	751,000	751,000	-
	- Huyện Ngọc Hiển	1.185,000	1.185,000	-	-	-	-	-	-	-	1.185,000	1.185,000	-
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	437,000	437,000	-	226,660	226,660	-	-	-	-	210,340	210,340	-
	Trung tâm Dịch vụ việc làm	437,000	437,000	-	226,660	226,660	-	-	-	-	210,340	210,340	-
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	7.049,000	7.049,000	-	-	-	-	-	-	-	7.049,000	7.049,000	-
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7.049,000	7.049,000	-	-	-	-	-	-	-	7.049,000	7.049,000	-
5	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.952,000	2.952,000	-	-	-	-	411,622	411,622	-	3.363,622	3.363,622	-
5.1	Tiểu dự án 1: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.007,000	2.007,000	-	-	-	-	-	-	-	2.007,000	2.007,000	-
	- Sở Thông tin và Truyền Thông	2.007,000	2.007,000	-	-	-	-	-	-	-	2.007,000	2.007,000	-
5.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	945,000	945,000	-	-	-	-	411,622	411,622	-	1.356,622	1.356,622	-
	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	945,000	945,000	-	-	-	-	411,622	411,622	-	1.356,622	1.356,622	-
6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình	6.041,000	6.041,000	-	-	-	-	-	-	-	6.041,000	6.041,000	-
6.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	3.773,000	3.773,000	-	-	-	-	-	-	-	3.773,000	3.773,000	-
	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.773,000	3.773,000	-	-	-	-	-	-	-	3.773,000	3.773,000	-
6.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	2.268,000	2.268,000	-	-	-	-	-	-	-	2.268,000	2.268,000	-
	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.268,000	2.268,000	-	-	-	-	-	-	-	2.268,000	2.268,000	-



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC IIIa

**ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Kèm theo Nghị quyết số **46** /NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Trong đó:		Chi tiết theo nguồn sự nghiệp						Nguyên nhân điều chỉnh
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp văn hóa thông tin		Các hoạt động kinh tế		
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
		1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	14
	TỔNG CỘNG:	14.001,195	14.001,195	-	6.267,157	-	807,254	-	5.258,787	-	
A	Dự toán năm 2022, 2023 được chuyển nguồn năm 2024 (chưa giải ngân)	12.208,335	12.208,335	-	4.700,957	-	807,254	-	5.032,127	-	
I	Kinh phí còn lại ngân sách (do các đơn vị hủy dự toán, nộp hoàn trả ngân sách)	1.667,997	1.667,997	-	-	-	-	-	-	-	
-	Hết nhiệm vụ chi hoặc không có khả năng chi, đề nghị hủy dự toán phân bổ lại	1.667,997	1.667,997	-							
II	Kinh phí năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024	10.540,338	10.540,338	-	4.700,957	-	807,254	-	5.032,127	-	
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	49,100	49,100	-	-	-	-	-	49,100	-	
-	Huyện Ngọc Hiển	49,100	49,100	-					49,100		Không còn đối tượng hỗ trợ
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	8.049,755	8.049,755	-	3.066,728	-	-	-	4.983,027	-	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	3.066,728	3.066,728	-	3.066,728	-	-	-	-	-	
-	Thành phố Cà Mau	915,970	915,970	-	915,970						Không còn đối tượng hỗ trợ
-	Huyện Thới Bình	823,450	823,450	-	823,450						Không còn đối tượng hỗ trợ
-	Huyện U Minh	27,724	27,724	-	27,724						Không còn đối tượng hỗ trợ
-	Huyện Phú Tân	1.007,080	1.007,080	-	1.007,080						Không còn đối tượng hỗ trợ
-	Huyện Ngọc Hiển	292,504	292,504	-	292,504						Không còn đối tượng hỗ trợ
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	438,000	438,000	-	-	-	-	-	438,000	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	438,000	438,000	-					438,000		Tỷ lệ giải ngân thấp
2.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	4.545,027	4.545,027	-	-	-	-	-	4.545,027	-	
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	4.545,027	4.545,027	-					4.545,027		Không đủ điều kiện giải ngân
3	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	807,254	807,254	-	-	-	807,254	-	-	-	
3.1	Tiểu dự án 1: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	257,532	257,532	-	-	-	257,532	-	-	-	

TT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Trong đó:		Chi tiết theo nguồn sự nghiệp						Nguyên nhân điều chỉnh
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp văn hóa thông tin		Các hoạt động kinh tế		
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
-	Sở Thông tin và Truyền Thông	257,532	257,532	-			257,532				Không còn đối tượng hỗ trợ
3.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	549,722	549,722	-	-	-	549,722	-	-	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	549,722	549,722	-			549,722				Không còn đối tượng hỗ trợ
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình	1.634,229	1.634,229	-	1.634,229	-	-	-	-	-	
4.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	888,669	888,669	-	888,669	-	-	-	-	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	888,669	888,669	-	888,669						Không còn đối tượng hỗ trợ
4.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	745,560	745,560	-	745,560	-	-	-	-	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	745,560	745,560	-	745,560						Không còn đối tượng hỗ trợ
B	Kinh phí giao năm 2024	1.792,860	1.792,860	-	1.566,200	-	-	-	226,660	-	
1	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.792,860	1.792,860	-	1.566,200	-	-	-	226,660	-	
1.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.566,200	1.566,200	-	1.566,200	-	-	-	-	-	
-	Huyện U Minh	900,000	900,000	-	900,000						Tỷ lệ giải ngân thấp
-	Huyện Trần Văn Thới	666,200	666,200	-	666,200						Tỷ lệ giải ngân thấp
1.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	226,660	226,660	-	-	-	-	-	226,660	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	226,660	226,660	-					226,660	-	Không còn đối tượng hỗ trợ



ĐIỀU CHỈNH TĂNG DỰ TOÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục Chương trình/chủ đầu tư	Tổng số	Trong đó		Chi tiết theo nguồn sự nghiệp						Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp văn hóa thông tin		Các hoạt động kinh tế		
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG:	14.001,195	14.001,195	-	2.047,761	-	961,344	-	10.992,090	-	
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	10.992,090	10.992,090	-	-	-			10.992,090	-	
-	Thành phố Cà Mau	915,970	915,970	-					915,970		Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Thới Bình	823,450	823,450	-					823,450		Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện U Minh	2.859,228	2.859,228	-					2.859,228		Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Trần Văn Thới	1.324,885	1.324,885	-					1.324,885		Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Phú Tân	3.504,347	3.504,347	-					3.504,347		Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
-	Huyện Ngọc Hiển	1.564,210	1.564,210	-					1.564,210		Hỗ trợ ngân sách UBND huyện
2	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	961,344	961,344	-	-	-	961,344	-	-	-	
2.1	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	961,344	961,344	-	-	-	961,344	-	-	-	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	961,344	961,344	-			961,344	-			
3	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình	2.047,761	2.047,761	-	2.047,761	-			-	-	
3.1	Tiểu dự án 2:	2.047,761	2.047,761	-	2.047,761	-			-	-	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.047,761	2.047,761	-	2.047,761						